

KNUT HAMSTUN

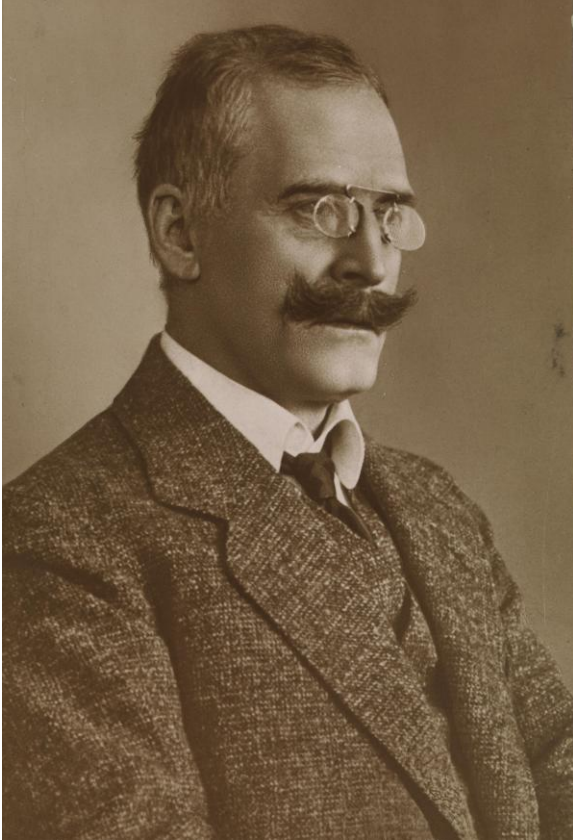
DỨC THUẬN dịch

SỨC SỐNG CỦA ĐẤT

GIẢI NOBEL VĂN HỌC NĂM 1920



Sức sống của Đất



Knut Hamsun

LỜI GIỚI THIỆU

Knut Hamsun (1859–1952) là một trong những nhà văn vĩ đại và có ảnh hưởng sâu sắc nhất của văn học Na Uy cũng như thế giới hiện đại. Sinh ra tại vùng đất hẻo lánh ở Lom, miền Trung Na Uy, Hamsun lớn lên trong cảnh nghèo khó, từng làm thợ học việc, công nhân, giáo viên, thậm chí là người khuân vác và bán hàng rong ở Mỹ. Những trải nghiệm thực tế và cuộc sống đầy biến động đã để lại dấu ấn đậm nét trong văn chương của ông – một nền văn chương vừa sâu lắng, trữ tình, vừa phản ánh những khắc khoải nhân sinh và triết lý sống gần gũi với tự nhiên.

Tác phẩm của Hamsun là sự phản kháng tinh tế đối với chủ nghĩa duy lý và công nghiệp hóa lạnh lùng của thế kỷ 19, đồng thời là lời ngợi ca con người cá thể, cảm xúc nguyên sơ và bản năng sống mãnh liệt. Hamsun được xem là người đi tiên phong trong văn học hiện đại châu Âu, có ảnh hưởng lớn đến những tên tuổi như Thomas Mann, Hermann Hesse, Franz Kafka và Ernest Hemingway.

Tác phẩm *Sức sống của Đất* (*Markens Grøde*, 1917) là đỉnh cao trong sự nghiệp văn chương của Knut Hamsun và là tác phẩm đã mang lại cho ông Giải Nobel Văn học năm 1920. Tiểu thuyết kể về Isak, một người đàn ông thô mộc nhưng giàu nội lực, đến vùng đất hoang vu ở miền Bắc Na Uy để

khai phá và dựng nên cuộc sống của mình từ con số không. Bằng đôi tay lao động và nghị lực phi thường, Isak không chỉ làm ra của cải vật chất mà còn kiến tạo nên một thế giới riêng – một vũ trụ hòa hợp giữa con người và thiên nhiên.

Trên nền cốt truyện tưởng như đơn giản ấy, *Sức sống của Đất* triển khai một bản giao hưởng hùng tráng và sâu lắng về sự sinh tồn, bản chất con người, giá trị lao động và mối quan hệ hữu cơ giữa con người và đất đai. Hamsun không chỉ miêu tả hành trình khai phá đất đai mà còn phản ánh những biến động nội tâm, những xung đột giữa truyền thống và hiện đại, giữa bản năng và lý trí, giữa con người thiên nhiên và xã hội công nghiệp.

Văn phong của Hamsun trong tác phẩm này vừa bình dị, gần gũi, vừa giàu chất thơ và mang âm hưởng triết lý phương Bắc: lạnh lẽ, khắc khổ, mà sâu sắc. Những đoạn văn miêu tả thiên nhiên, những đối thoại ngắn gọn mà hàm súc và sự điềm tĩnh trong cách dẫn dắt cốt truyện khiến *Sức sống của Đất* không chỉ là một tiểu thuyết hiện thực, mà còn là một thiên trường ca nhân văn đầy xúc cảm.

Tác phẩm đã trở thành biểu tượng văn học của Na Uy, đồng thời được UNESCO công nhận là một phần di sản văn hóa nhân loại. Cho đến ngày nay, *Sức sống của Đất* vẫn tiếp tục truyền cảm hứng cho độc giả khắp thế giới bởi thông điệp vĩnh cửu: ***Đất đai không bao giờ phản bội những ai gắn bó với nó bằng lòng chân thật và sức lao động bền bỉ.***

I.

Con đường dài hun hút băng qua bãi lầy và tiến sâu vào rừng — ai đã vạch ra nó? Con người, chính con người, kẻ đầu tiên đặt chân đến nơi này. Trước hẳn, không hề có con đường. Về sau vài loài thú lần theo dấu vết mờ nhạt trên lớp mùn và bùn lầy, khiến chúng trở nên rõ ràng hơn. Rồi đến lượt một vài người Lapp bắt đầu theo dấu ấy, đi từ dãy núi này sang dãy núi khác để trông nom đàn tuần lộc. Cứ thế, con đường dần hình thành, băng qua vùng đất chung mệnh mông không thuộc về ai — miền đất hoang vô chủ.

Một người đàn ông đang đi về hướng Bắc. Trên vai ông là chiếc bao tải đầu tiên, bên trong có lương thực và vài dụng cụ. Ông ta khỏe mạnh, thô kệch, để bộ râu đỏ rậm và có những vết sẹo nhỏ trên mặt, trên tay — những dấu tích ấy, do lao động hay do chiến đấu mà có? Có thể ông vừa ra tù và đang tìm chốn ẩn mình. Cũng có thể ông là một triết nhân đang đi tìm sự bình yên. Dù là gì đi nữa, ông vẫn đang tiến bước — một con người đơn độc giữa hoang vu tĩnh lặng. Ông cứ đi mãi, đi mãi. Xung quanh không một tiếng chim thú. Thỉnh thoảng ông lẩm bẩm điều gì đó với chính mình: - Ôi, lạy Chúa! — ông nói.

Khi băng qua đầm lầy, đến nơi có một trảng đất trống trong rừng, ông đặt bao xuống, đi loanh quanh xem xét địa hình. Một lúc sau, ông trở lại, vác bao lên vai và tiếp tục hành trình. Suốt cả ngày, ông cứ thế mà đi. Ông xem bóng mặt trời để đoán thời gian. Trời tối dần. Ông ngả lưng xuống thăm thạch nam ngủ qua đêm.

Vài giờ sau, ông lại lên đường.

- Ôi, lạy Chúa! — ông lại đi về phía Bắc. Vẫn ngó mặt trời đo bóng mà đoán giờ. Bữa trưa là một miếng bánh mì khô và pho mát dê, uống nước suối rồi đi tiếp. Hôm nay ông vẫn tiếp tục hành trình, vì còn nhiều chốn yên lành trong rừng cần phải dò xét. Ông đang tìm gì? Tìm đất, tìm một mảnh đất để ở chăng? Có lẽ ông là người rời bỏ làng quê đi tìm miền đất mới. Ánh mắt ông luôn dõi theo, dò xét. Thỉnh thoảng ông leo lên một gò cao để phóng tầm mắt. Mặt trời lại lặn.

Ông đi men theo sườn tây một thung lũng, nơi có rừng cây hỗn giao, cả lá rộng lẫn lá kim, thảm cỏ dày, trải rộng hàng giờ đi bộ. Trời nhập nhoạng. Ông nghe thấy tiếng róc rách khe khẽ của một con suối — và tiếng róc rách nhỏ nhoi ấy như thổi vào ông một luồng sinh khí. Khi lên tới đỉnh đồi, ông nhìn thấy thung lũng thấp thoáng trong bóng hoàng hôn phía dưới và đường chân trời xa phía Nam. Ông nằm xuống nghỉ.

Sáng hôm sau, ông đứng trước khung cảnh rừng cây và bãi chăn thả. Ông bước xuống một triền đồi xanh mướt. Từ xa, ông thoáng thấy ánh nước lấp lánh của dòng sông và một chú thỏ đang phóng qua trong một cú nhảy. Người đàn ông gật đầu, như thể dòng sông chỉ rộng đến mức ấy là vừa vặn. Một con gà gô đang ấp trứng đột nhiên bay vọt lên từ dưới chân ông, kêu quang quác dữ dội. Người đàn ông lại gật đầu: ở đây có chim muông thú vật — đúng như ông mong đợi! Ông lang thang giữa bụi việt quất, bụi dâu rừng, trong rừng thông bầy nhánh và những cụm dương xỉ nhỏ. Khi dừng chân ở một vài chỗ, ông dùng thanh sắt đào thử đất — chỗ này là đất mùn, chỗ kia là đất than bùn, thứ đất được bồi tụ từ lá rụng và cành mục suốt hàng nghìn năm. Người đàn ông gật đầu — ông sẽ định cư ở đây. Đúng vậy, ông sẽ ở lại đây.

Suốt hai ngày tiếp theo, ông tiếp tục dò xét quanh vùng, nhưng đêm đến lại quay về triền đồi quen thuộc. Ông ngủ trên lớp lá khô, dần dần thấy như đã thuộc về nơi này — ông đã có một chỗ nằm bên dưới mỏm đá nhô ra.

Điều khó khăn nhất chính là tìm ra miền đất ấy — nơi vô chủ, nhưng nay là của ông. Giờ đây, ngày tháng trôi đi trong công việc. Ông bắt tay ngay vào việc bóc vỏ cây bạch dương ở khu rừng xa, khi nhựa còn đang chảy. Ông ép và phơi khô vỏ cây, khi đầy một gùi lớn thì vác đi hàng chục dặm về

làng dưới để bán cho thợ xây. Trở lại triền đồi, ông mang theo những bao tải mới chứa lương thực, dụng cụ, bột mì, thịt muối, một cái nồi, một chiếc xẻng. Cứ thế, ông đi đi về về, mang vác không ngừng. Một người khuôn vác bẩm sinh, một con thuyền gỗ giữa rừng sâu. Như thế ông yêu thích phận sự ấy: được đi nhiều, mang vác nhiều. Như thế không có gùi trên lưng là sống lười biếng — và điều đó không dành cho ông.

Hai cha con người Lapp đi ngang qua. Họ dừng lại, chống hai tay lên những cây gậy dài, ngắm nhìn túp lều, khoảng đất đã được khai phá và lắng nghe tiếng chuông dê leng keng vọng xuống từ sườn núi.

- Chào buổi sáng, họ nói. - Ở đây có người giỏi giang đến khai hoang rồi! — Lũ người Lapp lúc nào cũng khéo miệng nịnh hót.

- Các anh có biết ai đó có thể giúp tôi một người phụ nữ để làm việc không? — Isak đáp lời. Bởi trong đầu anh giờ đây chỉ có một điều ấy.

— Người giúp việc nữ à? Không, chưa nghe thấy. Nhưng bọn tôi sẽ để ý xem sao.

— Tốt quá! Nói với họ rằng tôi có nhà cửa, có đất đai, có vật nuôi, nhưng chưa có người phụ nữ để giúp việc.

À, Isak đã tìm kiếm một người phụ nữ mỗi lần anh xuống làng với chiếc giỏ đan từ vỏ cây. Nhưng chẳng được ai. Có một bà góa vài cô gái lớn tuổi đã nhìn anh — nhưng không ai dám gật đầu. Vì sao thì Isak chẳng hiểu. Mà thật ra, làm sao họ lại muốn đến sống cùng một người đàn ông nơi hoang dã xa xôi, cách làng mạc hàng dặm đường, cả ngày trời mới tới được mái nhà gần nhất? Còn bản thân anh ta thì đâu có điểm gì dễ thương hay cuốn hút — ngược lại là chẳng khác. Khi nói chuyện, anh ta không phải kiểu người có giọng nói ngân vang hay ánh mắt mơ màng nhìn lên trời. Anh nói giọng khàn và thô mộc, thậm chí hơi cục mịch.

Vậy là anh sống một mình.

Mùa đông, anh đeo những máng gỗ lớn mang xuống làng bán, rồi vác về những bao tải lương thực, dụng cụ — giữa tuyết dày, lạnh giá. Những ngày khốn khó. Anh đã "đính hôn" — tức là đã có đàn gia súc để chăm nom. Vì phải tự mình lo liệu cho chúng, anh không thể đi xa lâu. Thế anh xoay xở ra sao?

Anh bắt đầu nghĩ ra cách. Cái khó ló cái khôn — đầu óc anh khỏe khoắn, thô ráp, chưa hề bị mài mòn bởi đời sống tiện nghi. Anh mài nó bén dần theo thời gian. Việc đầu tiên khi rời khỏi nhà, anh thả lũ dê ra rừng cho chúng gặm cành cây mà ăn no. Nhưng anh còn một mẹo khác: bên bờ suối, anh đặt một thùng gỗ lớn, để từng giọt nước nhỏ giọt

vào đó, mất mười bốn tiếng mới đầy. Khi nước đầy tới miệng, thùng sẽ nặng và rơi khỏi giá đỡ. Và lúc rơi, nó kéo theo một sợi dây nối với chuông dê, mở một cánh cửa sập, ba bó cỏ khô rơi xuống — lũ dê có cái để ăn.

Anh làm như vậy đấy.

Một sáng kiến khéo léo — có lẽ là sự gợi ý của Thượng Đế — anh là người biết tự lo cho mình. Mọi việc đều ổn cho đến cuối thu. Rồi tuyết rơi. Rồi mưa. Rồi lại tuyết. Tuyết phủ trắng trời. Cỗ máy không còn trơn tru. Thùng chứa đầy nước mưa và mở cửa sập quá sớm. Anh lấy ván che thùng lại — mọi thứ lại vận hành được thêm một thời gian. Nhưng rồi đông đến, giọt nước đóng băng và cỗ máy ngừng hoàn toàn.

Vậy là lũ dê, cũng như người đàn ông ấy, học cách sống thiếu vắng — và vẫn sống sót.

Những ngày tháng gian nan. Đáng lý ra, anh nên có một người phụ nữ giúp sức. Nhưng không có. Dù thế, anh không nản. Anh vẫn tiếp tục làm việc, sửa sang căn nhà. Anh lắp cửa sổ cho túp lều — hai ô kính. Ấy là một ngày lạ lùng và rực sáng trong đời. Anh không còn phải đốt lửa để nhìn rõ mọi thứ trong nhà nữa. Anh có thể ngồi bên trong và đeo máng gỗ dưới ánh sáng ban ngày. Cuộc sống dần tốt hơn. Ngày tháng dần sáng ra. Ôi, lạ Chúa!

Anh chưa từng đọc sách bao giờ. Nhưng anh vẫn nghĩ nhiều về Chúa — điều đó gần như là lẽ tất nhiên. Đó là sự ngây thơ và sự kính sợ. Bầu trời đầy sao, tiếng xào xạc trong rừng, sự cô quạnh, tuyết phủ khắp nơi, những huy hoàng trên mặt đất và cả phía trên cao — tất cả khiến anh nhiều lần trong ngày rơi vào im lặng, sâu lắng và sùng kính. Anh là một kẻ tội lỗi, đồng thời là người mộ đạo. Mỗi Chủ nhật, anh rửa sạch sẽ như để bày tỏ lòng kính trọng — rồi vẫn lao vào công việc như bao ngày khác.

Mùa xuân đến. Anh cày xới mảnh đất nhỏ, trồng khoai. Đàn dê giờ đã sinh sản, mỗi con đẻ một cặp. Có bảy con tất cả, lớn bé. Anh mở rộng chuồng, nghĩ đến tương lai và lấp thêm vài ô kính cho cả chuồng dê. Ánh sáng tràn vào — ngày tháng thực sự đã sáng lên theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

Rồi một ngày, người phụ nữ ấy xuất hiện.

Cô đi qua đi lại nơi triền đồi khá lâu, như lưỡng lự. Trời đã về chiều, cô mới đủ can đảm bước đến — một cô gái lớn con, làn da rám nắng, thô kệch nhưng tràn đầy sinh lực. Đôi bàn tay cô to bè, chai sạn vì từng cầm cuốc xẻng — tuy không phải dân Lapp. Trên vai, cô mang một túi da bê. Có thể cô ngoài ba mươi — nói một cách nhã nhặn là thế.

Cô gái ấy chẳng có lý do gì để sợ hãi, nhưng vẫn khẽ chào rồi vội vàng nói:

— Tôi chỉ đi qua dãy núi, nên mới đi đường này.

— À... — người đàn ông đáp.

Anh chỉ hiểu lơ mờ điều cô nói. Cô nói không rõ ràng, lại quay mặt đi hướng khác.

— Vâng... — cô tiếp tục. — Đường thì xa quá.

— Phải. Cô định vượt núi?

— Vâng.

— Rồi cô sẽ làm gì bên ấy?

— Người nhà tôi ở bên đó.

— À, người nhà cô ở bên đó... Tên cô là gì?

— Inger. Còn anh?

— Isak.

— À, Isak. Anh sống ở đây à?

— Phải, tôi sống ở đây. Cô thấy đấy.

— Trông cũng khá đấy chứ! — cô khen.

Giờ đây, Isak đã là một người biết suy nghĩ chín chắn. Anh hiểu rằng cô đến đây không phải tình cờ. Cô đã rời khỏi nhà từ hôm kia và nơi đây chính là điểm đến. Có thể cô đã nghe đâu đó rằng anh cần một người phụ nữ để giúp việc.

— Vào nghỉ một lát đi. — anh nói.

Họ bước vào túp lều. Họ ăn phần lương thực mà cô mang theo, uống sữa dê mà anh rót ra. Rồi cô pha cà phê từ gói bột cô giấu trong chiếc túi da nhỏ. Họ nhấp cà phê bên nhau trước khi đi ngủ.

Suốt đêm, anh nằm thao thức, khát khao cô — và rồi họ thuộc về nhau.

Sáng hôm sau, cô không rời đi. Cả ngày hôm ấy, cô vẫn ở lại — và không chỉ ở lại, cô còn giúp đỡ nhiều việc: vắt sữa dê, cọ rửa những thùng gỗ bằng cát mịn cho đến khi sạch bóng. Từ đó, cô không rời đi nữa. Cô tên là Inger. Anh tên là Isak.

Và cuộc đời người đàn ông sống một mình ấy đã đổi thay.

Vợ anh — phải, từ nay anh đã có vợ — nói năng không rõ ràng và hay quay mặt đi chỗ đông người vì có vết sẹo bệnh thổ bên mép. Nhưng đó chẳng phải điều gì đáng phàn nàn. Nếu không có cái miệng lệch ấy, có lẽ cô đã chẳng đến với anh. Chính vết sẹo ấy là vận may của anh.

Còn Isak, anh đâu phải người hoàn hảo. Anh để râu quai nón rậm rạp, dáng người lực lưỡng đến thô kệch. Anh giống như một lão xay bột lắm lì, nhìn anh cứ như thể qua một mảnh kính vỡ. Ai lại mang cái vẻ mặt ấy kia chứ? Cứ như thể bất cứ lúc nào, anh cũng sẵn sàng tháo xích thả cho một tên Barabbas nào đó. Thật lạ là Inger đã không bỏ chạy.

Nhưng cô không bỏ chạy.

Mỗi lần anh đi đâu đó rồi trở về, cô vẫn ở trong túp lều. Cô và túp lều, như thể là một phần của nhau.

Gánh thêm một miếng ăn, vâng — nhưng cũng bỏ công. Anh có thêm tự do, có thể đi lại nhiều hơn. Ở đó có một con sông — hiền hòa, nhưng sâu và chảy xiết — chẳng phải dòng suối bình thường. Hẳn nó bắt nguồn từ một hồ lớn trên núi.

Anh sắm sửa đồ nghề đánh cá, men theo dòng nước ngược lên phía thượng nguồn. Chiều tối, anh trở về nhà với một giỏ đầy cá hồi và cá hương.

Inger nhìn anh đầy kinh ngạc và sửng sốt — cô chưa từng thấy điều gì như vậy. Cô chấp tay thốt lên:

— Trời đất ơi!

Cô nhận ra rõ ràng anh thích thú với sự ngạc nhiên của mình. Anh thấy tự hào. Cô lại nói thêm vài lời đẹp:

— Em chưa từng thấy ai làm được như vậy. Em không hiểu nổi sao anh có thể làm được!

Inger còn được trời ban cho một phước lành khác.

Dù nàng không phải người thông minh lỗi lạc, nàng vẫn có hai con cừu và đàn con của chúng được gửi nhờ ở nhà một người bà con. Giờ nàng đem cả về. Cừu với len, cừu con — bốn sinh linh nhỏ bé — đó là của hồi môn quý giá nhất mà nàng có thể mang đến nơi này.

Đàn gia súc của họ nhờ vậy tăng lên đáng kể và thật kỳ diệu làm sao khi thấy chúng sinh sôi nhanh chóng đến thế.

Ngoài ra, Inger còn mang về vài món quần áo và vật dụng lặt vặt khác: một chiếc gương, một chuỗi hạt thủy tinh xinh xắn, một cái bàn chải, một chiếc guồng quay tay. Nàng cứ thế bận rộn lo toan. Chẳng bao lâu, túp lều đã chật đầy từ sàn đến mái — không còn chỗ trống!

Isak, dĩ nhiên, cảm động trước của hồi môn thực tế ấy, nhưng tính anh vốn kiêu lời, nên chẳng biết nói sao cho phải. Anh chỉ lặng lẽ bước ra cửa,

ngó trời ngó đất, rồi lại lặng lẽ quay vào. Quả thực, anh đã quá may mắn. Và anh cảm thấy mình ngày càng bị cuốn hút bởi người phụ nữ ấy — một sức hút chân thành, hay bất cứ tên gọi nào người ta có thể dùng cho thứ tình cảm đó.

— Em đừng lo nhiều quá! — anh nói. — Anh còn nhiều thứ khác cất giấu mà. Rồi còn chú Sivert của anh nữa — em đã nghe nói đến chưa?

— Chưa.

—Ồ, ông ấy giàu lắm. Ông ấy làm thủ quỹ của vùng này.

Tình yêu khiến người khôn hóa ngây ngô. Isak cũng muốn thể hiện mình là người tử tế, nên bắt đầu khoác lác theo cách của riêng anh:

— Ý anh là... em đừng cuốc khoai nữa. Tối nay anh về rồi cuốc.

Rồi anh vác rìu đi vào rừng.

Cô nghe thấy tiếng rìu của anh vang lên không xa. Nghe tiếng cây đổ ầm ầm, cô đoán anh đang đốn những cây lớn. Nghe một lúc, cô ra đồng tiếp tục vun khoai.

Tình yêu khiến kẻ ngốc trở nên khôn ngoan.

Chiều đến, Isak trở về nhà, kéo theo một khúc gỗ to tướng bằng dây thừng. Đúng là Isak — vụng về và ngây thơ — anh kéo khúc gỗ một cách thật ăm ỉ, khịt mũi, ho khan, cố tình gây chú ý, như muốn khiến cô phải ngạc nhiên trước sức vóc của mình.

— Em nghĩ anh bị điên rồi! — cô nói, khi bước ra. — Anh cũng chỉ là con người thôi mà!

Isak không đáp. Anh chẳng nghĩ gì nhiều. Kéo được một khúc gỗ to hơn người khác một chút có gì là ghê gớm đâu.

— Và anh định làm gì với khúc gỗ đó? — cô hỏi.

— À... tôi cũng chưa biết. — anh trả lời cụt lủn.

Nhưng lúc ấy anh để ý thấy cô đã vun xong luống khoai. Điều đó khiến cô gần như... ngang hàng với anh. Anh không thích điều đó. Anh tháo dây khỏi khúc gỗ và bỏ đi.

— Anh lại đi à? — cô hỏi.

— Ừ. — anh đáp, giọng có phần gắt gỏng.

Một lát sau, anh kéo về một khúc gỗ khác. Không gây tiếng động, không gắng sức tỏ ra mạnh mẽ, anh kéo nó về túp lều như một con bò kéo xe, rồi lặng lẽ đặt xuống.

Sức sống của Đất

Suốt mùa hè ấy, Isak kéo rất nhiều khúc gỗ về
túp lều.

II.

Một hôm, Inger lại nhét bữa trưa vào chiếc túi da bê của mình và nói:

— Giờ em sang bên nhà người thân một lát.

— À... — Isak đáp.